

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA DU LỊCH

ĐỀ THI CUỐI KỲ
HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 2- NHẬT 3
Học kỳ 2, Năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Học phần: Ngoại ngữ 2- Nhật 3	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 232_71TOUR10103_01	Mã nhóm lớp học phần:.....
Thời gian làm bài: 90 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Kiểm tra kiến thức về ngôn ngữ.	Trắc nghiệm	30%	1-20	2	PI 1.1
CLO 3	Xây dựng hoại thoại.	Trắc nghiệm	25%	21-30	3	PI 6.1
CLO 3	Xây dựng hoại thoại.	Trắc nghiệm	25%	31-40	3	PI 6.1
CLO 3	Xây dựng hoại thoại.	Tự luận	10%	41-45	2	PI 6.1
CLO 4	Đọc hiểu đoạn văn bản tiếng Nhật.	Trắc nghiệm	10%	41-42	5	PI 7.1

(Phản công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Ngoại ngữ 2 – Nhật 3 Số tín chỉ: 3

Mã học phần: 232_71TOUR10103_01 Mã nhóm lớp học phần:

Thời gian làm bài: 90 phút Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận

SV được tham khảo tài liệu: Có Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án Lần 1 Lần 2

II. Nội dung câu hỏi thi

I/ Chọn trợ từ điền vào dấu ngoặc () (30 điểm)

① どんな (1) スポーツ (2) すきですか。 . . . 野球が すきです。

- | | | | |
|----|------|------|------|
| 1) | A. が | B. X | C. で |
| 2) | A. が | B. X | C. で |

まつもと おく りょうり じょうず
② 松本さんの 奥さん (3) 料理 (4) 上手です。

- | | | | |
|----|------|-------|------|
| 3) | A. が | B. よく | C. は |
| 4) | A. が | B. よく | C. は |

はなみ
③ あした いっしょに 花見 (5) しませんか。

ともだち
。。。すみません。あしたは 友達と やくそく (6) ありますから。

- | | | | |
|----|------|------|------|
| 5) | A. を | B. と | C. が |
| 6) | A. を | B. と | C. が |

ちか ほんや はなや
④ この近く (7) 本屋 (8) 花屋などが ありますか。

。。。はい、あそこに あります。

- | | | | |
|----|------|------|------|
| 7) | A. に | B. と | C. や |
| 8) | A. に | B. と | C. や |

- ⑤ わたしは 誕生日に ちち (9) 時計 (10) もらいました。
 9) A. の B. に C. を
 10) A. の B. に C. を
- ⑥ デパート (11) パンと イタリア (12) ワインを 買いました。
 11) A. を B. の C. で
 12) A. を B. の C. で
- ⑦ ホーチミンからハノイ (13) ひこうき (14) 2じかん (15) かかります。
 13) A. で B. まで C. X
 14) A. で B. まで C. X
 15) A. で B. まで C. X
- ⑧ とりにくは ぎゅうにく (16) やすいです。
 16) A. は B. より C. が
- ⑨ あついきせつ (17) さむいきせつ (18) どちら (19) いいですか。
 17) A. と B. より C. が
 18) A. は B. と C. が
 19) A. は B. より C. が
- ⑩ 1週間 (20) 3かい かのじょに でんわを かけます。
 20) A. に B. と C. も

II/ Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống 【. . .】 (25 điểm)

- 21) ランさんは ダンスが 【. . .】 じょうずです。
 A. たくさん B. よく C. とても
- 22) ニーセンせいは きのう 【. . .】 かえりました。
 A. たくさん B. はやく C. とても
- 23) かんじが 【. . .】 わかります。
 A. だいたい B. はやく C. とても
- 24) あの としょかんに 英語の本が 【. . .】 あります。
 A. だいたい B. よく C. たくさん
- 25) まいばん ワインを 【. . .】 のみます。
 A. すこし B. あまり C. とても
- 26) きのうの ばんは 【. . .】 ねました。
 A. あまり B. よく C. ぜんぜん

- ほんや ゆうびんきょく きつさてん
 27) 本屋は 郵便局と 喫茶店の あいだに 【. . .】。
- A. あります B. います C. いきます
- き した
 28) 木の 下に いぬが 【. . .】。
- A. あります B. います C. かえります
- 29) はこの なかに なにも 【. . .】。
- A. あります B. います C. ありません
- 30) いま こうえんに だれも 【. . .】。
- A. いません B. います C. いきます

III/ Chọn từ để hỏi phù hợp nhất trong ngoặc 【 】 (25 điểm)

- 31) いま 【. . .】 が いちばん ほしいですか。
- A. なに B. どこ C. いつ
- 32) 【. . .】 くつが ほしいですか。
- A. どんな B. どこ C. だれ
- 33) 【. . .】 つりに いきましたか。
- A. なに B. どこ C. いつ
- 34) にほんへ 【. . .】 の べんきょうに いきますか。
- A. なん B. だれ C. どなた
- 35) にちようび 【. . .】 を したいですか。
- A. なに B. どこ C. いつ
- 36) 【. . .】 と およぎに いきますか。
- A. なん B. だれ C. いつ
- 37) スポーツで 【. . .】 が いちばん おもしろいですか。
- A. なに B. どこ C. だれ
- 38) 1ねんに 【. . .】 えいがを みますか。
- A. なんかい B. なん C. なに
- 39) テーブルが 【. . .】 ありますか。
- A. いくら B. なんまい C. いくつ
- 40) アメリカリョコウは 【. . .】 でしたか。
- A. どう B. どこ C. どれ

IV/ Viết lại câu thêm tính từ trong ngoặc cho đúng vị trí và ngữ pháp (10 điểm)

41) タオさんは がくせいです。 (しんせつ)

42) けさ ははに はなを あげました。 (きれい)

43) きっさてんで コーヒーを のみました。 (しづか)

44) タワポンさんは あの ひとです。 (ハンサム)

45) あの バイクは きのう かいました。 (しろい)

V/ Đọc đoạn văn, các câu bên dưới là đúng hay sai? (đúng: O ; sai: X) (10 điểm)

いぬの せいかつ

わたしは トモです。サントスさんの うちに います。わたしは まいあさ 8

じごろ テレーザちゃんと ^{がっこう} 学校へ いきます。ごご がっこうへ テレーザちゃん
を むかえに いきます。それかれ いっしょに こうえんへ あそびにいきます。

しゅうまつは テレーザちゃんの がっこと サントスさんの かいしゃは や
すみです。サントスさんの かぞくは とおい ところへ ^{くるま} 車で あそびに いきま
す。わたしも いっしょに いきます。

46) () テレーザちゃんは わたしと いっしょに がっこから かえります。

47) () サントスさんは しゅうまつ ちかい こうえんへ あそびにいきます。

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14. tháng 05 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

TS

Lâm Ngọc Bút

phul

Đáp án

1. ③	11. ③	21. ③	31. ②	41. しんせつな がくせい
2. ①	12. ③	22. ③	32. ②	42. きれいな はな
3. ③	13. ③	23. ①	33. ③	43. しずかな きっとてん
4. ①	14. ①	24. ③	34. ①	44. ハンサムな ひと
5. ①	15. ③	25. ①	35. ①	45. しろい バイク
6. ③	16. ③	26. ③	36. ③	7
7. ①	17. ①	27. ①	37. ①	47. X
8. ③	18. ③	28. ③	38. ①	
9. ③	19. ③	29. ③	39. ③	
10. ③	20. ①	30. ①	40. ①	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14. tháng 05 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

TS

Lâm Ngọc Bút